

MV-01 九龍公園體育館

	中文姓名	英文姓名	性別	報名費用	家長同意書	身分證明文件
1	彭欣迪	Peng Xin Di	女			
2	李迪衡	LI TIK HANG	男	✓	✓	✓
3	彭斯羽	Peng Si Yu	男			
4	王曦彤	Wing Hei Man	女			
5	黃喆	Wong chit max	男	✓	✓	✓
6	劉濟嘉	lau chai ka	男	✓	✓	✓
7	陳曉桐	CHAN Hiu Tung	女	✓	✓	✓
8	錢守縉	CHIN Sau Chun	男	✓	✓	✓
9	錢康欣	CHIN Hong Yan	女	✓	✓	✓
10	蘇朗遙	So Long Yiu	男	✓	✓	✓
11	楊鎧凝	Yeung Hoi Ying	女	✓	✓	✓
12	楊澤熙	Yeung Chak Hei	男	✓	✓	✓
13	黃悅敏	Wong Sophie Yuet Man	女			
14	任明瀚	Yam Ming Hon	男			
15	賴得恩	LAI TAK YAN DOUGLAS	男	✓	✓	✓
16	劉瑋瑜	Liu Wylie	女	✓	✓	✓
17	賴晉恩	LAI Chun Yan Jonathan	男	✓	✓	✓
18	水修明	SHUI SAU MING ASHTON	男	✓	✓	✓
19	葉尚熹	Yip Sheung Hei	男	✓	✓	✓
20	于憫希	Yu Man Hei	女			
21	溫凱嵐	WAN Hoi Laam Iriel	女	✓	✓	✓
22	楊天朗	YEUNG TIN LONG	男	✓	✓	✓
23	歐雋琳	Au Chun Lam	男	✓	✓	✓
24	劉晉僑	LAU CHUN KIU	男	✓	✓	✓
25	曾翊家	TSENG Yi Chia	女	✓	✓	✓
26	曾翊宸	TSENG Yi Chen	男	✓	✓	✓
27	陳晉軒	Chan Chun Hin	男			
28	方嘉晞	Fong Ka Hei	女	✓	✓	✓
29	賴凱祈	Lai Hoi Ki Kay	女	✓	✓	✓
30	吳灝楠	Ng Ho Nam	男	✓	✓	✓
31	吳灝賢	Ng Ho Yin	男	✓	✓	✓
32	陳皓怡	Chan Hilary Ho Yi	女	✓	✓	✓
33	趙芷霖	Chiu Tsz Lam Elva	女			
34	葉思憫	Ip Sze Man	女	✓	✓	✓
35	高康悠	Ko Hong Yau	女	✓	✓	✓
36	劉凱彤	Lau Leanna	女	✓	✓	✓
37	曾嘉雯	Tsang Ka Man	女	✓	✓	✓
38	李澱喬	Li Yan Kiu	女	✓	✓	✓
39	李澱傑	LI Yan Kit	男	✓	✓	✓
40	常洛晴	CHANG Rochelle	女			

MV-01 九龍公園體育館

	中文姓名	英文姓名	性別	報名費用	家長同意書	身分證明文件
41	吳卓翹	Ng Cheuk Kiu	男	✓	✓	✓
42	高琪涵	Gao Kei Han	女	✓	✓	✓
43	李韻	Lee Wan	女			
44	胡凱晴	WU Hoi Ching	女			
45	詹若希	JIM Yeuk Hei	女	✓	✓	✓
46	翟彤	Chak Tung	女	✓	✓	✓
47	張君陶	cheung kwan to	男	✓	✓	✓
48	張玟暄	Cheung Man Huen	女	✓	✓	✓
49	張珈齊	CHEUNG Kar Cai, Jasmyne	女			
50	陳亦宏	Chan Yik Wang Ethan	男			

MV-02 摩士公園體育館

	中文姓名	英文姓名	性別	報名費用	家長同意書	身分證明文件
1	莊梓濤	Cheong Jammy	男	✓	✓	✓
2	呂悅	Lui Yuet	女	✓	✓	✓
3	陳曉桐	CHAN Hiu Tung	女	✓	✓	✓
4	張瞻文	CHEUNG Evelyn Shim Man	女			
5	潘卓翹	PUN CHEUK KIU	女	✓	✓	✓
6	林奴靜	LAM Nicole	女	✓	✓	✓
7	林孝龍	LAM Nicholas	男	✓	✓	✓
8	高熙翹	Ko Hei Kiu hilary	女	✓	✓	✓
9	鍾詩澄	Chung sze ching	女	✓	✓	✓
10	潘洛庭	Poon Lok Ting	男	✓	✓	✓
11	潘芊庭	Poon Chin Ting	女	✓	✓	✓
12	王天愉	WONG Teen Yue	女	✓	✓	✓
13	王朗燁	WONG Long Yep	男	✓	✓	✓
14	關伊晴	Kwan Yi Ching	女	✓	✓	✓
15	周祇陶	Chau Tsz To	女			
16	周祇月	Chau Tsz Yuet	女			
17	林彥妤	Lam In Yu	女	✓	✓	✓
18	NA	LEE Taylor	男			
19	趙芷霖	Chiu Tsz Lam Elva	女	✓	✓	✓
20	翁樂晴	YONG LOK CHING	女	✓	✓	✓
21	翁樂晞	YONG LOK HEI	男	✓	✓	✓
22	鍾青言	Chung Ching Yin	男	✓	✓	✓
23	李泳桐	LEE Wing Tung	女	✓	✓	✓
24	黃卓翹	WONG Cheuk Kiu	男	✓	✓	✓
25	李明欣	Lee Ming Yan	女	✓	✓	✓
26	陳彥諮	Chan Yin Chi	女			
27	吳安妮	Wu On Ni Anneya	女	✓	✓	✓
28	唐浩森	Tong Ho Sum	男	✓	✓	✓
29	嚴巧愉	YIM HAU YU	女			
30	胡尚凌	wu sheung ling	男	✓	✓	✓
31	麥芷桐	Mak Tsz Tung	女	✓	✓	✓
32	王愷津	Wong Hoi Chun	女	✓	✓	✓
33	羅詠筠	Lo Wing Kwan	女			
34	陳菁豫	Chan Ching Yu	女	✓	✓	✓
35	胡琳	Woo Lam	女			

MV-03 楊屋道體育館

	中文姓名	英文姓名	性別	報名費用	家長同意書	身分證明文件
1	鄧奕藍	Tang Yik Lam	男	✓	✓	✓
2	陳綺琳	CHAN YEE LAM	女	✓	✓	✓
3	盛文姿	Shing Man Chi Jenell	女	✓	✓	✓
4	盛元燊	Shing Yuen San Jeston	男	✓	✓	✓
5	史明言	sze ming yin	男			
6	史恩言	sze yan yin	女			
7	史正言	sze ching yin	男			
8	黃皓晴	Wong Ho Ching	女	✓	✓	✓
9	黃凱翹	Wong Hoi Kiu	女	✓	✓	✓
10	徐珮禎	CHUI Pui Ching	女	✓	✓	✓
11	陳庭軒	CHAN Ting Hin	男	✓	✓	✓
12	王劭天	WONG SHIU TIN	男	✓	✓	✓
13	張桓添	CHEUNG Wun Tim	男	✓	✓	✓
14	張思朗	CHEUNG Sze Long	男	✓	✓	✓
15	郭靖	kwok ching cyrus	男	✓	✓	✓
16	水修明	SHUI SAU MING ASHTON	男	✓	✓	✓
17	徐梓晴	Tsui Tsz Ching	女	✓	✓	✓
18	于憫希	YU MAN HEI	女	✓	✓	✓
19	黃任彥	Wong Ren Yan Melissa	女	✓	✓	✓
20	陳樂希	Chan Lok Hei	男	✓	✓	✓
21	張尹蔚	CHEUNG Wan Wai	女	✓	✓	✓
22	廖子樂	Liu Tsz Lok	男	✓	✓	✓
23	郭銘翹	KWOK Ming Kiu	男	✓	✓	✓
24	陳愷彤	Chan Hoi Tung	女	✓	✓	✓
25	鄭璇	Cheng Shuen	女	✓	✓	✓
26	任紀瑤	YAM GEI YIU	女	✓	✓	✓
27	鄭宇軒	CHENG Yu Hin	男	✓	✓	✓
28	曾希晉	Tsang Hei Chun	男	✓	✓	✓
29	梁溢朗	Leung Yat Long	男			
30	游真一	YAU CHUN YAT	男			
31	梁卓蕎	Leung Cheuk Kiu	女	✓	✓	✓
32	黎浩懿	LAI HO YI	男	✓	✓	✓
33	吳青霖	Ng Ching lam	女			
34	李浩言	Lee Trevor	男	✓	✓	✓
35	李哲言	Lee Travis	男	✓	✓	✓
36	高進	Ko Chun	男	✓	✓	✓

MV-04 屏山天水圍體育館

	中文姓名	英文姓名	性別	報名費用	家長同意書	身分證明文件
1	陳羽晴	CHAN Yu Ching	女	✓	✓	✓
2	何子謙	HO Tsz Him	男	✓	✓	✓
3	霍沛心	Fok Pui Sum, Jolie	女	✓	✓	✓
4	鄧穎嘉	Tang wing ka	女	✓	✓	✓
5	劉梓謙	Lau Tsz Him Kenneth	男	✓	✓	✓
6	周晴禧	Chow Ching Hei	女	✓	✓	✓
7	陳薈晴	CHAN Wui Ching	女	✓	✓	✓
8	陳柏曦	CHAN Pak Hei	男	✓	✓	✓
9	陳綽文	Chan Cheuk Man	女	✓	✓	✓
10	梁凱琳	Leung Hoi Lam	女	✓	✓	✓
11	李卓霖	LEE CHEUK LAM	女	✓	✓	✓
12	廖颯晴	LIU Hoi Ching	女	✓	✓	✓
13	姚焯楠	Yue Cheuk Nam	男	✓	✓	✓
14	簡希敏	KAN Hei Man	女	✓	✓	✓
15	孔德悠	Hung Tak Yau	女	✓	✓	✓
16	孔德穎	Hung Tak Wing	女	✓	✓	✓
17	呂心柔	LUI SUM YAU	女	✓	✓	✓
18	鄭葆男	Cheng Bo Nam Carson	男	✓	✓	✓
19	甘彪	Kam Bill	男	✓	✓	✓
20	阮承羲	YUEN SING HEI DEREK	男	✓	✓	✓
21	羅嬰彤	LAW Hei Tung	女	✓	✓	✓
22	羅嬰喆	LAW Hei Zit	男	✓	✓	✓
23	黃梓嫒	Wong Tsz Yau, Mika	女	✓	✓	✓
24	黃梓邨	Wong Tsz hei, Theodore	男	✓	✓	✓
25	梁穎芊	LEUNG Wing Chin	女	✓	✓	✓
26	黃逸軒	Wong Hinson	男	✓	✓	✓
27	盧毅儒	LO Ngai Yu	男	✓	✓	✓
28	梁鈺涸	Leung Chin Yan Janie	女	✓	✓	✓
29	梁浩涯	Leung Ho Hon Elvis	男	✓	✓	✓
30	廖心怡	Liu Sum Yee	女	✓	✓	✓